

SẮC MÀU HUYỀN THOẠI CHUNG QUANH CUỘC ĐỜI THIỀN SƯ TỪ ĐẠO HẠNH

HÒA THƯỢNG THÍCH HẢI AN

1. Những tương quan giữa Thiền tông - Mật tông - Tịnh Độ tông

Trong số các vị thiền sư Việt Nam thời Lý - Trần và kể cả sau này, Thiền sư Từ Đạo Hạnh có một hành trạng mang nhiều màu sắc huyền thoại nhất. *Đại Việt sử ký toàn thư*, *An Nam Chí lược*, *Lĩnh Nam Chích quái*, *Việt Điện U Linh*, *Thiền Uyển tập anh*, v.v... đều có những dòng tiểu sử ghi chép khá rõ ràng, song những câu chuyện chung quanh cuộc đời và sự nghiệp của Thiền sư Từ Đạo Hạnh vẫn còn là những bí ẩn hấp dẫn đối với người đời sau.

Ngoài những dấu tích chính ở Hà Nội (bao gồm cả Hà Tây trước đây), hầu hết các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đều ít nhiều lưu giữ những dấu tích, huyền tích về cuộc đời tu hành của Ngài. Sách *Thiền Uyển tập anh* xếp Ngài vào dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi (Vinayaruci), một dòng thiền có những mối liên hệ mật thiết giữa phương pháp hành trì của cả Mật và Tịnh. Sách cho biết, sau khi dùng quyền năng phép thuật trả mối thù xưa cho cha xong, Từ Đạo Hạnh rửa sạch oán thù, xem việc đời như tro lạnh, đi khắp nơi trong chốn rừng lâm để tìm thấy ẩn chứng. Từ Đạo Hạnh từng tham vấn đạo học từ hai ngài Trí Huyền và Sùng Phạm. Tuy nhiên, trong *Thiền Uyển tập anh* chỉ nêu hành trạng của ngài Sùng Phạm mà không thấy nói gì đến hành trạng của

ngài Trí Huyền. Giáo sư Lê Mạnh Thát thì xếp Thiền sư Trí Huyền vào thế hệ thứ 11 của dòng thiền Pháp Vân⁽¹⁾.

Mật tông khá phù hợp để phát triển ở những nước có điều kiện địa lý núi non hiểm trở, rừng rậm âm u, thú dữ, nước độc như ở nước ta. Tín ngưỡng đa thần, cùng với tục xăm mình để tránh thủy quái của người Việt phần nào cho thấy niềm tin dân gian buổi ban đầu đã nghiêng về những chuyện kì dị, thần bí. Tất cả những điều kiện đó là yếu tố để cho Phật giáo Mật tông dễ tiếp cận và nhanh chóng hoà nhập với hệ thống thần linh bản địa. Đặc biệt, hệ thống thờ nữ thần và hệ thống thờ Tứ Pháp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), ngay từ đầu đã gắn bó mật thiết với thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi. Có thể nói, các yếu tố Mật giáo được du nhập vào từ rất sớm và trở nên thịnh hành không còn là điều lạ lẫm đối với lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Nguyễn Lang nhận xét như sau: “Mật giáo thịnh hành tại Việt Nam từ những thế kỉ thứ bảy và thứ tám; tuy thiền phái Vô Ngôn Thông cố sức tự bảo vệ không để Mật giáo thâm nhập (Thông Biện rất chống Đại Diên và Bát Nhã) nhưng vẫn không tránh khỏi ảnh hưởng của giáo lí này. Sự kiện cho thấy tầm quan trọng

1. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001, tr. 109.

của Mật giáo ở Việt Nam từ ngày Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến Việt Nam qua Đinh, Tiền Lê cho đến cuối Lý⁽²⁾.

Một số sử liệu khác thì cho rằng Từ Đạo Hạnh kết bạn với Thiền sư Không Lộ và Giác Hải, sau đó cả ba người cùng sang Thiên Trúc để học phép. Tuy nhiên, Thiền sư Không Lộ và Thiền sư Giác Hải đều được xếp vào dòng Vô Ngôn Thông và Thảo Đường, trong khi Thiền sư Từ Đạo Hạnh lại được xếp vào dòng Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Điều đó phần nào cho thấy, qua các phương pháp tu tập, mối liên hệ giữa các dòng tu là khá gần gũi và có nhiều điểm giao thoa, tương đồng. Sự kiện vua Lý Thần Tông, được cho là hậu thân của Từ Đạo Hạnh hóa hổ không liên quan đến quả báo do việc báo thù của Từ Đạo Hạnh đối với Đại Diên mà gắn với câu chuyện Từ Đạo Hạnh sau khi học được phép từ Thiền Trúc về đã hoá hổ để dọa Không Lộ và Giác Hải, vì thế mà mắc phải quả báo hoá hổ ở kiếp sau.

Sau đó, sự kiện Thiền sư Minh Không chữa bệnh hóa hổ cho vua Lý Thần Tông cũng được sử sách ghi chép khá rõ. *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết năm Bính Thìn (1136): “Vua bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi. Nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong làm quốc sư. Tha thuế dịch cho vài trăm hộ. Tục truyền, khi nhà sư Từ Đạo Hạnh sắp trút xác, trong khi ốm đem thuốc niệm thần chú rồi giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành tức Minh Không, dặn rằng 20 năm sau, nếu thấy quốc vương bị bệnh lạ thì đến chữa ngay, có lẽ là việc này”⁽³⁾.

Thời gian 20 năm sau, ngày vua Lý Thần Tông được Minh Không chữa bệnh trùng với thời gian Thiền sư Từ Đạo Hạnh hóa hổ. Bởi cũng theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, năm Bính Thân (1116), “Mùa Hạ nhà sư Từ Đạo Hạnh trút xác ở chùa núi Thạch Thất... Trước phu nhân của Sùng Hiền Hầu

là Đỗ Thị có mang, đến đây trở dạ mãi không đẻ. Hầu nhớ lại lời Đạo Hạnh dặn khi trước, sai người chạy ngựa đi báo. Đạo Hạnh lập tức thay áo tắm rửa, vào hang núi trút xác mà qua đời. Sau đó phu nhân sinh con trai, tức là Dương Hoán. Người làng cho là việc lạ, để xác Đạo Hạnh vào trong khám để thờ...”⁽⁴⁾. Dương Hoán chính là vua Lý Thần Tông sau này.

Những ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư* chung quanh sự kiện này không khác so với những ghi chép trong *Thiền Uyển tập anh*. Đồng thời qua những thông tin này, chúng ta biết được Thiền sư Nguyễn Minh Không không phải Thiền sư Không Lộ như một số sách trước đây nhầm lẫn. Bởi Thiền sư Không Lộ là bạn đạo còn Thiền sư Minh Không là đệ tử của Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Thiền sư Không Lộ và Thiền sư Minh Không đều là Quốc sư của triều Lý, nhưng ở hai đời vua khác nhau và hai người có hai hành trạng rõ ràng, không thể nhầm lẫn⁽⁵⁾.

Vấn đề là vào thời Lý, người ta tin vào phép thuật, phù chú, tin vào chuyện tái sinh. Điều đáng nói sự “tái sinh” này không diễn ra theo lý giải thông thường của Phật giáo, tức nếu có đầu thai kiếp khác thì thông thường thần thức người đó phải rời khỏi xác và nhập thai ngay từ khi tinh noãn của cặp vợ chồng nào đó gặp nhau. Tuy nhiên, ngay sau khi vua nghe lời Sùng Hiền Hầu cho Từ Đạo Hạnh được thác thai, *Thiền Uyển tập anh* lại viết: “Sư bèn đi ngay đến phủ đệ của

2. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 174.

3. Ngô Đức Thọ (dịch và chú thích). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2003, tr. 475.

4. *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tr. 443.

5. Phạm Đức Duật. *Sự tích Không Lộ, Minh Không qua quyển sách chữ Hán mới sưu tầm*, Tạp chí Hán Nôm số 1, 1984, Nguồn: <http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/8402v.htm>

Sùng Hiền Hầu, vào thẳng nơi phu nhân đang tắm mà nhìn. Phu nhân tức giận nói lại với chồng, nhưng Sùng Hiền Hầu đã biết trước nên không cần vận gì. Từ đó phu nhân cảm thấy mình có thai. Sư dẫn Sùng Hiền Hầu: “Khi nào phu nhân sắp sinh thì báo cho bản tăng biết trước”⁽⁶⁾. Và phải đợi đến lúc phu nhân của Sùng Hiền Hầu sắp đến giờ sinh nở thì Từ Đạo Hạnh mới thoát xác nhập thai, theo như lời hứa trước đó. Như vậy, việc đầu thai kiếp khác của Từ Đạo Hạnh được tính từ thời điểm ông nhìn phu nhân Sùng Hiền Hầu tắm hay từ khi đứa trẻ chào đời? Đây là một vấn đề cần được nghiên cứu thêm từ các truyền thống tu tập của Mật giáo. Nhưng rất có thể đây chỉ là một sự “mượn xác nhập hồn” hơn là việc “đầu thai” bằng thân trung ấm theo lý giải của Phật giáo.

2. “Hậu thân” của Thiền sư Từ Đạo Hạnh

Thời nhà Lý, có không ít những sự kiện cầu đảo, cúng tế liên quan đến những sự kiện xuất binh chinh phạt các tiểu quốc hay cầu phúc cho dân thoát khỏi thiên tai, bệnh dịch. Tất cả những công việc này đều gắn với vai trò của các thiền sư, đạo sĩ và luôn nhận được quan tâm rất lớn của triều đình và dân chúng. Ở một số nước có truyền thống Mật giáo thịnh hành, một số đạo sư Mật tông có khi vừa là Pháp vương vừa là Quân vương. Nếu không thì họ cũng là những vị Quốc sư đầy quyền uy, làm thầy dạy đạo cho nhà vua, thậm chí họ còn ấn chứng cho các nhà vua trở thành những người truyền thừa pháp môn một cách đặc dụng, vừa bảo vệ đạo pháp, vừa bảo vệ vương đạo, cùng nhau đoàn kết xây dựng xã hội trên nền tảng đạo đức, triết lý tôn giáo và luật pháp triều đình. Nhiều vị vua Phật tử thời Lý - Trần đồng thời cũng là những đệ tử nổi pháp của các dòng thiền nổi tiếng Việt Nam. Vì thế có người đã nhận định rằng, thời Lý - Trần

là thời đại quân chủ Phật giáo, vương quyền và giáo quyền được kết hợp một cách tự nhiên.

Không ít thiền sư có vai trò đặc biệt đối với vương triều từ việc giảng giải đạo lý đến việc cố vấn về các vấn đề chính trị, quân sự, ngoại giao. Để bảo vệ quân vương và nền quân chủ, một số vị thiền sư đã không ngần ngại thi triển công năng của các loại sám truyền, thần chú, phép thuật để trị bệnh, trừ tà, xua đuổi âm binh, cầu đảo.

Cuộc thi triển phép thuật giữa Đạo sĩ Thông Huyền và Thiền sư Giác Hải trước sự chứng kiến của vua Lý Nhân Tông là một ví dụ điển hình cho nhận thức của người nắm quyền cao nhất đối với công năng của phép thuật. Vua Lý Nhân Tông khen rằng: “Tâm Giác Hải như hải/ Đạo Thông Huyền thật huyền/ Thần thông và biến hoá/ Bên Phật bên là Tiên” (Thích Nhất Hạnh dịch). Còn Thiền sư Không Lộ thì được *Thiền Uyển tập anh* nhắc đến như sau: “Sư cùng đạo hữu là Giác Hải đi vân du cõi ngoài, dấu kín tông tích, đến chùa Hà Trạch, ăn rau mặc lá, quên cả thân mình, dứt hết mọi điều mong muốn, một lòng chuyên tu tập thiền định. Rồi sư thấy tâm thần, tai mắt ngày càng sáng láng thông tỏ, bay trên không, đi dưới nước, hàng long phục hổ, muôn nghìn phép lạ không lường hết được...”⁽⁷⁾.

Thực tế những “huyền thoại” chung quanh cuộc đời Không Lộ, Giác Hải, Từ Đạo Hạnh nếu đặt đúng thời đại mà không khí Phật giáo quyền năng bao trùm thì sẽ thấy được những điều “khả tín” của nó. Chính vì thời ấy người ta xem phép thuật là một dạng tài năng có thể tu luyện thành công được, nên những đạo sĩ phải thi triển để thể hiện tài năng,

6. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thuý Nga. *Thiền Uyển tập anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1990, tr. 202.

7. *Thiền Uyển tập anh*, sdd, tr. 105.

phép lạ. Tuy nhiên, họ cũng sẽ phải trả giá đắt cho cuộc đời tu hành của mình một khi sự thi triển phép thuật tỏ ra không hữu dụng.

Việc Từ Đạo Hạnh dùng chuỗi hạt kết ấn để cản ngăn sự đầu thai Giác Hoàng và bị vua Lý Nhân Tông phát hiện sai người bắt đem đến lầu Hưng Thánh để định tội, sau đó nghị triều các quan đều đồng ý xử chém Từ Đạo Hạnh, cho thấy triều đình rất tin vào những chuyện linh dị như thác thai. Và nếu Sùng Hiền Hầu không thể biện luận được rằng: “Giác Hoàng nếu quả có thần lực thì dầu cả trăm Từ Lộ làm bùa chú cũng không làm hại được. Đẳng này Giác Hoàng lại bị lưới sắt chắn không vào được, thế thì Từ Lộ cao tay pháp hơn Giác Hoàng. Theo ngu ý của thần, bệ hạ nên tha cho Từ Lộ và cho Từ Lộ được thác sinh”⁽⁸⁾ thì Từ Đạo Hạnh đã bị xử tội chết. Chứng tỏ rằng, nếu không có thực tài, hay không chứng đạt được những khả năng phi phàm mà xác thân trần tục không thể làm được, thì hiển nhiên trong hành trạng của một số thiền sư, đạo sĩ, không ngẫu nhiên lại nói đến việc họ phải vất vả đi cầu đạo hay học phép ở những nơi xa xôi hiểm trở như Thiên Trúc.

Trở lại với tình tiết được ghi trong *Thiên Uyển tập anh* khi Từ Đạo Hạnh ngăn cản việc thác thai của Giác Hoàng sẽ rõ: “Bấy giờ vua Lý Nhân Tông tuổi đã cao mà không có con nối dõi. Tháng 2 năm Hội Tường Đại Khánh thứ 3 (1112), ở phủ Thanh Hoá có người tâu: “Vùng bờ biển Sa Đinh có một đứa trẻ con linh dị, mới lên ba tuổi mà nói năng biện giải như người lớn, xưng là con đích của vua, tự đặt hiệu là Giác Hoàng. Phàm mọi việc làm của Hoàng thượng không điều gì đứa bé không biết”. Vua sai Trung sứ vào tận nơi xem xét, thấy đúng như lời tâu, bèn cho đón về chùa Báo Thiên ở kinh đô. Thấy đứa trẻ thông minh dị thường vua có lòng yêu mến, định lập làm hoàng

thái tử. Các quan hết sức can ngăn vua không nên làm như vậy. Các quan lại nói, nếu đứa bé ấy quả thực linh dị, tất nên thác sinh vào nội cung rồi sau mới lập làm thái tử được. Vua nghe theo, bèn cho mở hội lớn bảy ngày bảy đêm để làm phép thác thai. Sư nghe chuyện tự nghĩ: “Đứa bé này dùng phép yêu dị để mê hoặc mọi người, ta ở nào ngồi nhìn để nó lừa dối, làm loạn chính pháp?”. Sư bèn nhờ người chị gái giả làm người đi xem hội, lén đem chuỗi hạt do sư đã kết ấn treo lên rèm cửa. Hội đến ngày thứ ba thì Giác Hoàng bỗng kêu đau, bảo mọi người: “Ta đã đi khắp quanh hoàng thành, nhưng ở đâu cũng có lưới sắt vây kín. Muốn thác sinh cũng không biết lọt vào bằng cách nào. Vua ngờ sư làm bùa chú để phá, bèn sai quan xét hỏi thì sư thú nhận...”⁽⁹⁾.

Chuyện vua Lý Nhân Tông tin đứa bé ngoài dân gian là con (thác thai) của mình và có ý định lập làm hoàng thái tử là một chuyện rất khó tin ở những triều đình phong kiến luôn coi trọng việc truyền ngôi theo huyết thống. Ngay cả việc triều đình tổ chức 7 ngày đàn tràng để cho đứa trẻ thác thai cũng nói lên sự thú vị, sức thu hút của nghi thức này. Như vậy có thể thấy chuyện đầu thai, thác sinh không phải là chuyện nằm ngoài tâm thức của con người thời đó. Tuy nhiên, việc các quan trong triều ra sức ngăn cản và yêu cầu để đứa bé thác sinh vào nội cung, rồi mới lập làm thái tử, có nghĩa rằng họ tin vào chuyện tái sinh, nhưng quan điểm truyền ngôi theo huyết thống vẫn thắng thế trước niềm tin của vua Lý Nhân Tông. Vấn đề ở đây là đứa bé sẽ thác sinh theo cách nào, “nhập thai” hay “mượn xác nhập hồn”? Việc đứa bé nói: “Ta đi khắp hoàng thành, nhưng đâu cũng có lưới sắt vây kín...”, cho thấy đây là một dạng của

8. *Thiên Uyển tập anh*, sđd, tr. 202.

9. *Thiên Uyển tập anh*, sđd, tr. 201.

xuất hôn, chứ không phải thác thai, bởi khi thác thai, xác thân phải tan hoại và thần thức phải nhập thai ngay khi tinh noãn gặp nhau, tức phải có quan hệ tính giao diễn ra ngay lúc người muốn nhập thai vừa mới trút xác.

Điều đáng nói, ngay sau khi nghe Sùng Hiền Hầu lí giải bệnh vực cho việc làm của Từ Đạo Hạnh, vua lập tức tin vào phép thuật quyền năng của Từ Đạo Hạnh. Sự kiện phu nhân Sùng Hiền Hầu mang thai sau này sinh ra Dương Hoán, tức vua Lý Thần Tông đúng thời điểm Từ Đạo Hạnh thoát xác, cho thấy đã có những chuẩn bị cho một “kiếp sống” mới của Từ Đạo Hạnh với vai trò là một bậc quân vương. Thiên sư làm quân vương không phải là điều xa lạ trong truyền thống Mật tông. Tuy nhiên, ở Việt Nam chưa từng có chuyện giáo chủ đồng thời là quân vương, nên sự “thay hình đổi dạng” của Từ Đạo Hạnh đã tạo nên một sự nổi ngôi lạ lùng kì bí cho triều đình nhà Lý. Nhưng việc Từ Đạo Hạnh “đầu thai” làm Dương Hoán chỉ là điều kiện ban đầu, bởi việc truyền ngôi sau này còn chờ vào quyết định cuối cùng của vua Lý Nhân Tông.

Năm Đinh Dậu (1117) vua Lý Nhân Tông xuống chiếu rằng: “Trẫm cai trị muôn dân mà lâu không có con nối ngôi, ngôi báu của trẫm biết truyền cho ai? Vậy nên trẫm nuôi con trai của các Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng, chọn người nào giỏi thì lập làm thái tử”. Bấy giờ con Sùng Hiền Hầu là Dương Hoán mới lên 2 tuổi mà thông minh lanh lợi, vua rất yêu và bèn lập làm hoàng thái tử⁽¹⁰⁾. *Đại Việt sử ký toàn thư* ca ngợi vua Lý Thần Tông như sau: “Vua khi mới lên ngôi hầy còn trẻ đại, đến khi lớn lên, tư chất thông minh, độ lượng nên việc, sửa sang chính sự, nhiệm nhậm khúc nôi, không gì sai

lệch. Tuy thân mang ác tật, nhưng rồi chữa lành, cũng là nhờ ý trời cả...”⁽¹¹⁾.

Sự tái sinh làm quân vương của Từ Đạo Hạnh đã đáp ứng được niềm tin của đa số triều thần về một vị vua anh minh xuất thế. Tuy nhiên, xét ở góc độ cá nhân, đây là sự báo ân cứu mạng của Từ Đạo Hạnh đối với Sùng Hiền Hầu, còn bản chất của sinh diệt đã được Từ Đạo Hạnh ý thức rất rõ: “Nghịch duyên của ta chưa hết, còn phải thác sinh để tạm giữ ngôi vua. Ngày sau thọ chung sẽ được làm thiên tử ở cõi trời thứ ba mươi ba. Nếu thấy chân thân của ta hư nát thì lúc ấy ta mới thật nhập Niết Bàn, không còn phải trụ trong vòng sinh diệt nữa”⁽¹²⁾.

Những màu sắc huyền thoại chung quanh cuộc đời của thiên sư Từ Đạo Hạnh nếu chỉ nhìn đơn giản ở góc độ “quyền năng” thì khó thấy hết những ảnh hưởng của Phật giáo Mật tông triều Lý, đặc biệt là mối quan hệ bền chặt giữa vương quyền và đạo Phật. Sự kiện Thiên sư Từ Đạo Hạnh “tái sinh” làm vua là sự kiện duy nhất trong lịch sử Việt Nam cho thấy vai trò ảnh hưởng của Mật giáo đối với vương quyền. Đồng thời một nửa khẳng định cho quan điểm vương quyền và giáo quyền được kết hợp một cách tự nhiên. Có thể nói, vẻ đẹp trong xã hội thời Lý không chỉ được tạo nên bởi hình ảnh của một đời sống nhân hậu, khoan dung, thuần từ, mà còn mang đậm màu sắc tâm linh huyền bí, ở đó Mật tông giữ vai trò quan trọng trong việc tô điểm cho lịch sử triều Lý những huyền thoại sống động. Cho đến tận ngày nay sức sống của những huyền thoại này ở khắp vùng đồng bằng Bắc Bộ còn đang là những khám phá thú vị cho những người quan tâm đến văn hoá, lịch sử của dân tộc./

10. *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 443.

11. *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tr. 458.

12. *Thiền Uyển tập anh*, sđd, tr. 202.